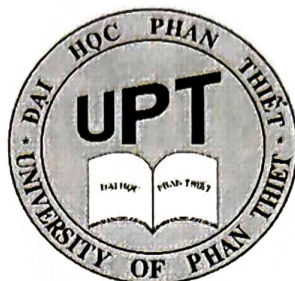


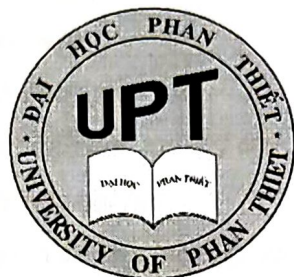
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
KHOA NGOẠI NGỮ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÔN NGỮ ANH

Năm 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÔN NGỮ ANH**

TÊN CHƯƠNG TRÌNH	:	NGÔN NGỮ ANH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	:	THẠC SĨ
NGÀNH ĐÀO TẠO	:	NGÔN NGỮ ANH
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	:	8220201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	:	CHÍNH QUY

NĂM 2021

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. *Giới thiệu chương trình đào tạo*
- 1.2. *Thông tin chung*
- 1.3. *Triết lý giáo dục của trường Đại học*
- 1.4. *Tầm nhìn và sứ mạng của khoa*
- 1.5. *Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)*
- 1.6. *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)*
- 1.7. *Cơ hội việc làm và học tập sau đại học*
- 1.8. *Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp*
- 1.9. *Chiến lược giảng dạy – học tập*
- 1.10. *Chiến lược và phương pháp đánh giá*
- 1.11. *Công cụ, tiêu chí đánh giá*
- 1.12. *Hệ thống tính điểm*

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

- 2.1. *Cấu trúc chương trình giảng dạy*
- 2.2. *Danh sách các học phần*
- 2.3. *Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*
- 2.4. *Sơ đồ chương trình giảng dạy*
- 2.5. *Kế hoạch giảng dạy*
- 2.6. *Mô tả các học phần*

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên nền tảng kiến thức chuyên sâu và hệ thống về ngôn ngữ, văn hóa, cũng như các ứng dụng thực tiễn của tiếng Anh trong nhiều lĩnh vực. Bên cạnh việc củng cố và mở rộng tri thức về ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng và dịch thuật, chương trình còn chú trọng phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện, cũng như kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng ngôn ngữ trong bối cảnh học thuật và nghề nghiệp.

Ngoài khối kiến thức cốt lõi về ngôn ngữ học và phương pháp luận nghiên cứu, học viên có cơ hội tiếp cận các chuyên đề chuyên sâu như ngôn ngữ và văn hóa, giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, Thông qua đó, chương trình không chỉ trang bị cho học viên khả năng giảng dạy và nghiên cứu ở bậc cao, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng tiếng Anh trong các hoạt động giao tiếp quốc tế, quản lý, biên – phiên dịch và hợp tác học thuật.

Mục tiêu tổng quát của chương trình là đào tạo những chuyên gia có kiến thức sâu rộng, có năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo, đồng thời có khả năng thích ứng và phát triển trong môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa. Qua đó, học viên sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ phẩm chất và năng lực để đảm nhiệm vai trò giảng dạy, nghiên cứu, hoặc làm việc trong các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2. Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT

1. Tên gọi:	Ngôn ngữ Anh
2. Mã ngành	8220201
3. Bậc:	Thạc sĩ
4. Loại bằng:	Thạc sĩ
5. Loại hình đào tạo:	Chính quy
6. Thời gian:	2 năm
7. Số tín chỉ:	60
8. Khoa quản lý:	Ngoại ngữ
9. Ngôn ngữ:	Tiếng Anh
10. Website:	http://ffl.upt.edu.vn/
11. Ban hành:	2024

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết

Nhân văn (A) – Hội nhập (B) – Phát triển bền vững (C)

Triết lý giáo dục trên của trường Đại học Phan Thiết được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh như minh họa ở Bảng 1.2.

Bảng 1.2 Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết được chuyển tải vào CTĐT thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh		Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết		
		A	B	C
Kiến thức trong chương trình đào tạo	1. Khối kiến thức chung		X	X
	2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc		X	X
	3. Khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn			
	4. Thực tập tốt nghiệp			X
	5. Đề án tốt nghiệp		X	X
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Làm chủ kiến thức cơ sở ngành như phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Anh, các vấn đề lý luận về ngôn ngữ Anh, mối quan hệ giữa ngôn ngữ Anh với tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.	X	X	
	Có kiến thức chuyên sâu của ngành ngôn ngữ Anh ở các lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Anh như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... Từ đó, đề xuất và giải quyết được những vấn đề đặt ra trong thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Anh.			X
	Có tư duy phản biện và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Anh. Trên cơ sở đó, phát triển kiến thức mới và có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.			X
	Sử dụng hiệu quả những kiến thức lý thuyết, kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ Anh, hoặc mối quan hệ giữa Ngôn ngữ Anh với tiếng Việt.		X	X
	Nghiên cứu độc lập hoặc lãnh đạo, hợp tác, trao đổi, chia sẻ cùng nhóm nghiên cứu để thực hiện đề tài khoa học. Tìm, xử lý, phân tích, tổng hợp thông tin từ tài liệu nghiên cứu, vận dụng hiệu quả những kiến thức về ngôn ngữ Anh trong nghiên cứu.		X	X
	Có thái độ học tập, làm việc nghiêm túc, có nhận thức rõ ràng về tinh thần trách nhiệm, đạo đức của người nghiên cứu khoa học.	X		
	Có nhận thức đúng đắn về vai trò và giá trị của ngôn ngữ Anh trong nghiên cứu khoa học và trong quá trình hội nhập quốc tế.		X	
	Tôn trọng và có ý thức bảo tồn, phát huy những giá trị của tiếng Việt trong mối quan hệ với ngôn ngữ Anh.	X	X	
	Có ý thức phấn đấu cao trong học tập và rèn luyện kiến thức về ngôn ngữ Anh; tự học và nghiên cứu về			X

	ngôn ngữ Anh để nâng cao trình độ.			
--	------------------------------------	--	--	--

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của khoa Ngoại ngữ

Tầm nhìn

Đến năm 2025, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phan Thiết sẽ trở thành một trong những khoa đào tạo hàng đầu về ngành Ngôn ngữ Anh theo hướng ứng dụng thực hành, đạt các chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đạt theo chuẩn của AUN – QA.

Sứ mạng

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phan Thiết cam kết thúc đẩy sự phát triển về giảng dạy, biên-phiên dịch, thương mại-du lịch tại Thành phố Phan Thiết và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng dựa trên sự liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức hiệp hội có liên quan với ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

Mục tiêu chung:

- Góp phần nâng cao trình độ dân trí nói chung và đội ngũ cán bộ Khoa học xã hội có trình độ tiếng Anh thành thạo nói riêng ở khu vực Nam Trung Bộ.
- Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ Sau đại học ở các Trường Đại học và Cao đẳng Cộng đồng, Cao đẳng Sư phạm ở khu vực Nam Trung Bộ.
- Góp phần đào tạo đội ngũ giáo viên giảng dạy tiếng Anh có trình độ chuyên môn cao cho các trường phổ thông trung học ở Nam Trung Bộ và đáp ứng kịp thời nhu cầu đổi mới đang được đặt ra trước mắt và lâu dài.
- Góp phần nâng cao trình độ ngôn ngữ Anh cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu ở các Sở, Ban, Ngành trong và ngoài tỉnh Lâm Đồng.

Nhìn chung, học viên sau khi được đào tạo phải có trình độ chuyên môn vững vàng cả về lý luận và thực tiễn; thực sự năng động, sáng tạo trong công tác nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh.

Mục tiêu cụ thể:

Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có:

-Về phẩm chất chính trị:

PO1. Có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

PO2. Có phương pháp luận và tư duy khoa học, sáng tạo.

PO3. Có đạo đức và phẩm chất chính trị tốt; có ý thức phục vụ nhân dân.

-Về năng lực chuyên môn:

PO4. Có một vốn kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ Anh; có phương pháp luận trong nghiên cứu ngôn ngữ Anh.

PO5. Có đủ trình độ, năng lực để nghiên cứu, sáng tạo, cũng như ứng dụng ngôn ngữ Anh vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn mà công cuộc đổi mới và hội nhập đang đặt ra.

PO6. Có đủ trình độ nghiên cứu độc lập lĩnh vực chuyên sâu của mình và có khả

năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề đặt ra trong Ngôn ngữ Anh.

PO7. Có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh; giảng dạy tại các trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; có khả năng hoạt động ở một số lĩnh vực khác thuộc khoa học xã hội và nhân văn như hoạt động báo chí, quản lý văn hóa xã hội, truyền thông...

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
PLO1	Nâng cao nhận thức về thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng để vận dụng vào nghiên cứu ngành NNA và vào thực tiễn Việt Nam.	Kiến thức
PLO2	Nhận định được các kiến thức liên ngành có liên quan đến tiếng Anh trong dạy và học, và vận dụng các kiến thức chuyên môn để ứng dụng trong giảng dạy tiếng Anh, công tác biên phiên dịch, soạn thảo văn bản, dịch máy, dịch tự động có trợ lý ảo AI trong cat GPT để phát triển doanh nghiệp.	
PLO3	Khái quát hoá toàn diện kiến thức, quan điểm, lý thuyết khoa học chuyên sâu và cập nhật trong ứng dụng ngôn ngữ Anh và đánh giá được khả năng ứng dụng của ngôn ngữ Anh trong thực tiễn đối với các vấn đề trong giáo dục, trong giảng dạy tiếng Anh, trong dịch thuật & soạn thảo văn bản tiếng Anh.	
PLO4	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hoá, truyền thông và kinh doanh để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong môi trường công việc đa ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục, truyền thông quốc tế và phát triển tổ chức.	Kỹ năng
PLO5	Có kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp và truyền đạt tri thức một cách thuyết phục bằng tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên nghiên cứu, thảo luận chuyên sâu về các vấn đề học thuật và nghề nghiệp trong môi trường đa văn hoá, hội nhập.	
PLO6	Có thể tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết những tình huống thực tiễn trong các hoạt động giáo dục, biên phiên dịch, soạn thảo văn bản tiếng Anh, viết văn tiếng Anh, ...	Thái độ
PLO7	Thích nghi với môi trường luôn thay đổi, tự định hướng và hướng dẫn người khác hoàn thiện sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, trong nghiên cứu & trong ứng dụng.	
PLO8	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia học thuật để ứng dụng trong giảng dạy, dịch thuật, soạn thảo văn bản chuẩn mực đảm bảo độ chính xác và nhanh chóng.	

PLO9	Phân tích đánh giá các tác phẩm văn học viết bằng tiếng Anh trong bối cảnh lịch sử- kinh tế -văn hoá.	
------	---	--

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được cho trong Bảng 1.3. Có thể thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.3 Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
PO1	X				X				X
PO2	X	X	X	X		X	X	X	X
PO3	X				X	X	X	X	
PO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO5	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO6	X		X	X	X	X	X	X	X
PO7	X	X	X	X	X	X	X	X	X

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Học viên tốt nghiệp từ CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh có thể làm các công việc:

- Giảng dạy ngôn ngữ Anh ở các trường đại học, cao đẳng và trung học phổ thông;
- Chuyên viên các viện, trung tâm nghiên cứu về ngôn ngữ;
- Chuyên viên các cơ quan quản lý của nhà nước về lĩnh vực xã hội và nhân văn;
- Cán bộ của các cơ quan báo chí, truyền thông và truyền hình thuộc trung ương, tỉnh, thành phố...

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Có bằng Cử nhân: Sư phạm Anh văn; Ngôn ngữ Anh; Văn học Anh; Ngôn ngữ Anh bao gồm: Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh biên phiên dịch, Tiếng Anh quan hệ quốc tế, Tiếng Anh pháp lý, Tiếng Anh du lịch,... của tất cả các hệ thống đào tạo trong và ngoài nước.
- Văn bằng đại học có cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;
- Người tốt nghiệp đại học được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp, nhưng phải có giấy xác nhận tạm thời còn hạn của cơ sở đào tạo cấp và sau đó phải nộp bổ sung văn bằng chính thức.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đăng ký dự thi, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lí nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định.

- Các điều kiện dự tuyển khác theo quy định Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8.2. Quá trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Thông tư 23/2021/TT - BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên đã tích lũy đủ số tín chỉ trong thời gian quy định ghi trong chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp và đáp ứng được các điều kiện tốt nghiệp bậc thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, sẽ được cấp bằng: THẠC SĨ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (MASTER OF ART IN ENGLISH LANGUAGE).

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2. Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

3. Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, học viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp học viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm : Câu hỏi

gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

4. Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

5. Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

6. Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được TCE áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

7. Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

8. Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

9. Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, học viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giáo viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh

luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được TCE áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

11. Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

12. Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

13. Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được TCE áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

14. Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các

nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 1.4.

Bảng 1.4 Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy-học		PLOs								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Dạy trực tiếp									
1	Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Tham luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X

II	Dạy gián tiếp									
4	Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Học theo tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X
III	Học trải nghiệm									
7	Mô hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	
9	Thí nghiệm						X			
10	Nhóm nghiên cứu giảng dạy	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IV	Dạy học tương tác									
11	Tranh luận					X	X	X	X	X
12	Thảo luận					X	X	X	X	X
13	Học nhóm					X	X	X	X	X
V	Tự học									
14	Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X

1.10. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Ngoại ngữ thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Ngoại ngữ đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

❖ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến

trình được TCE áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của TCE, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

❖ Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được TCE sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

4. Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

5. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6. Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được

thể hiện trong Rubric 5.

7. Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

8. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

Bảng 1.5 Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessmen)									
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Đánh giá bài tập (Work Assigment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II	Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Báo cáo (Written Report)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)		X	X	X	X	X	X	X	X

1.11. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác

nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá chuyên cần (Attendace Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Tham dự lớp học	50%	Vắng từ 20% số buổi trở lên	Đi học trễ từ 20% số buổi trở lên hoặc vắng 15% số buổi.	Đi học trễ từ 15% số buổi trở lên hoặc vắng 10% số buổi.	Đi học đầy đủ, có đi học trễ < 10% số buổi	Đi học đầy đủ, đúng giờ
Mức độ tích cực	50%	Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc 2 lần bị nhắc làm việc riêng trong giờ học.	< 3 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc bị GV nhắc làm việc riêng trong giờ học < 2 lần	< 3 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học	Từ 3 đến 6 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học	>6 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học

Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên (Project Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị phá vỡ hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	20%

	Chuyên cần	Thảo luận	Nội dung theo tiến độ quy định	Trình bày thuyết minh
phần công cụ thể, các thành viên trong nhóm.	liên kết, phối hợp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận đóng góp ý kiến	Không có nội dung không đúng tiến độ	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ
	< 30%	Hiếm khi tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến	Nội dung tính toán không đầy đủ	Trình bày thuyết minh lớn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong thuyết minh
	< 50%	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh số lỗi chính tả, nhầm lẫn về kích thước, ghi chú, giải
	< 70%	Thường xuyên tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán đúng, có sự phân biệt phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót.
	< 90%	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết quả tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý.	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú thích trình bày khoa học, sử dụng phần mềm tính toán trong thuyết minh
	20%	20%	20%	20%

		minh không phù hợp	thích các thông số, bảng biểu.		hiệu quả	
--	--	--------------------------	--------------------------------------	--	----------	--

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp, Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý theo yêu cầu nhiệm vụ. tính toán đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp	50%

			sốt trong tính toán		lý	
--	--	--	------------------------	--	----	--

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc không phù hợp với yêu cầu	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiệu biết trên video	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo	25%

	đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ.	thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày	người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày	kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	
--	--	--	---	--	--	--

4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6. Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 5: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giống nói khó nghe	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự	80%

	quan đến câu hỏi	liên không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi	thiếu tự tin trong các câu trả lời	sự tự tin về hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục	
--	------------------	--	------------------------------------	---	---	--

7. Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung đồ án	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu Tính toán sai, không cụ thể không đáp ứng yêu cầu	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu trình tự tính, tính toán hợp lý, tính toán tài chính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung	Nội dung, trình tự trình bày, thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ	Nội dung phù hợp. Trình tự cấu trúc logic, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic. Ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo	20%
Bản vẽ kỹ thuật	Không có hoặc	Đầy đủ số lượng bản	Đầy đủ bản vẽ (3 bản)	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội	20%

về hình ảnh	thiếu bản vẽ/hình ảnh, bản không đúng nội dung theo quy định	vẽ/hình ảnh (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước ghi chú trên bản vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/hình ảnh	với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng. Còn một số lỗi về trình bày (sai chính tả, nét vẽ).	dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ rõ ràng.	dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ	
-------------	--	--	---	---	--	--

8. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Theo Rubric 4

9. Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên	30%
Tham	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham	20%

gia làm việc nhóm (chuyên cần)					gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp với nhóm	Hiếm khi hợp tác phối hợp làm việc với nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên	Hợp tác, phối hợp với nhóm Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

1.12. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học Phan Thiết sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 1.5 Hệ thống thang điểm của Trường

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
ĐẠT	Từ 8.5 đến 10	A	4
	Từ 7.0 đến 8.4	B	3
	Từ 5.5 đến 6.9	C	2
	Từ 4 đến 5.4	D	1
KHÔNG ĐẠT	<4	F	0

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 6 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	8
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	40
III	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	12
Tổng số		60

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Số thứ tự	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %	PLOs											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Kiến thức chung	8	13.3%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	40	66.7%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
III	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	12	20.0%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng		60	100												

2.2 Danh sách các học phần

Thứ tự	Tên học phần	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	8
1	Triết học	4
2	Tiếng Pháp	4
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	40
II.1 bắt buộc	Kiến thức cơ sở ngành	18
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Research methodology	3
2	Viết và đọc tiếng Anh học thuật – Academic Writing and Reading	2
3	Ngôn ngữ học đại cương - General Linguistics	3
4	Ngôn ngữ học ứng dụng – Applied Linguistics	3

5	Phương pháp thu nhập và phân tích số liệu - Methods of Data Collection and Analysis	2
6	Lịch sử ngôn ngữ Anh – History of the English Language	2
7	Truyện ngắn Anh – Mỹ - British and American Short stories	3
II.2	Kiến thức chuyên ngành	22
II.2.1	Kiến thức chuyên ngành tự chọn theo định hướng Ngôn ngữ Anh	22
1	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học – Semantics and Pragmatics	3
2	Ngữ pháp chức năng - Functional Grammar	2
3	Phân tích diễn ngôn - Discourse Analysis	3
4	Ngôn ngữ học đối chiếu - Contrastive Linguistics	3
5	Nghiên cứu dịch thuật – Translation Studies	3
6	Văn học Mỹ thế kỷ 20 - American Literature in the 20 th Century	3
7	Giao tiếp liên văn hóa - Cross-cultural communication	2
8	Văn học Anh thế kỷ 20 - British Literature in the 20 th Century	3
9	Truyện ngắn quốc tế - World Short Stories	2
10	Diễn dịch văn học - Interpreting Literature	2
11	Phong cách học - Stylistics	3
II.2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn theo định hướng Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	22
1	Phương pháp dạy tiếng Anh – Methodology of English Language Teaching	3
2	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao - Advanced Methodology of English Language	2
3	Thiết kế tài liệu giảng dạy – Material Design	3
4	Thiết kế bài kiểm tra ngôn ngữ - Language Testing	3
5	Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy – Technology in Language Teaching	2
6	Tiếp thu ngôn ngữ thứ 2 – Second Language Acquisition	3

7	Văn hóa và giảng dạy tiếng Anh – Culture and English Language Teaching	3
8	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học – Semantics and Pragmatics	3
9	Ngữ pháp chức năng – Functional Grammar	2
10	Phân tích diễn ngôn – Discourse Analysis	3
11	Ngôn ngữ học đối chiếu – Contrastive Linguistics	3
12	Nghiên cứu dịch thuật – Translation Studies	3
13	Văn học Mỹ thế kỷ 20 - American Literature in the 20 th Century	3
14	Giao tiếp liên văn hoá -Cross-culture communication	2
15	Văn học thế kỷ 20 - British Literature in the 20 th Century	3
16	Truyện ngắn quốc tế - World Short Stories	2
17	Diễn dịch văn học - Interpreting Literature	2
III.	Thực tập và đề án tốt nghiệp	12
1	Thực tập	6
2	Đề án tốt nghiệp	6
Tổng số tín chỉ		60

2.3 Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)

TT	Mã học Phần	Tên học Phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Kiến thức chung											
1		Triết học	M		I			I			
2		Ngoại ngữ (Pháp văn)					I		I		
II. Kiến thức chuyên ngành											
II.1 Các kiến thức chuyên ngành bắt buộc											
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học - Research methodology	M	R	R	R	I	M	R	M	I
2		Viết và đọc tiếng Anh học thuật – Academic Writing and Reading		R	R	R	M	R	M	M	R
3		Ngôn ngữ học đại cương - General Linguistics	I	I	M	R	I	I	I	I	I
4		Ngôn ngữ học ứng dụng– Applied Linguistics		M	M	M	R	M	M	M	M
		Phương pháp thu nhập và phân tích số liệu - Methods		R	R	R	R	M	R	M	R

29	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học – Semantics and Pragmatics	I	M	M	R	M	R	M	R	I
30	Ngữ pháp chức năng – Functional Grammar	I	R	M	R	M	R	M	R	I
31	Phân tích diễn ngôn – Discourse Analysis	I	R	R	M	M	R	M	M	I
32	Ngôn ngữ học đối chiếu – Contrastive Linguistics	I	M	M	R	R	R	R	R	
33	Nghiên cứu dịch thuật – Translation Studies		M	M	M	M	M	M	M	
34	Văn học Mỹ thế kỷ 20 - American Literature in the 20 th Century			I	R	I	I	I		M
35	Giao tiếp liên văn hoá -Cross-culture communication		R	R	M	M	R	M	R	I
36	Văn học thế kỷ 20 - British Literature in the 20 th Century			I	R	I	I	I		M
37	Truyện ngắn quốc tế - World Short Stories			I	R	I	I	I		
38	Diễn dịch văn học - Interpreting Literature		R	R	R	M	R	R	M	M
II.3. Thực tập và đề án tốt nghiệp										
1	Thực tập tốt nghiệp	R	M	M	M	R	M	M	M	R
2	Đề án tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M

2.4 Kế hoạch giảng dạy

2.4.1. Theo định hướng Ngôn ngữ Anh

HỌC KỲ I (19 TC)				
STT	Học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn
1	Triết học	4	X	
2	Ngoại ngữ	4	X	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Research methodology	3	X	
4	Viết và đọc tiếng Anh học thuật – Academic Writing and Reading	2	X	
5	Ngôn ngữ học đại cương – General Linguistics	3	X	
Chọn 1 trong 3 học phần sau:				
1	Văn học Mỹ thế kỷ 20 – American Literature in the 20 th Century	3		X
2	Diễn dịch văn học – Interpreting Literature	2		X
3	Văn học Anh thế kỷ 20 – British Literature in the 20 th Century	3		X
HỌC KỲ II (16 TC)				
1	Ngôn ngữ học ứng dụng – Applied Linguistics	3	X	
2	Lịch sử ngôn ngữ Anh – History of the English	2	X	

	Language			
3	Truyện ngắn Anh- Mỹ - British and American Short Stories	3	X	
Chọn 3 trong 4 học phần sau:				
1	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học – Semantic and Pragmatics	3		X
2	Ngữ pháp chức năng – Functional Grammar	2		X
3	Ngôn ngữ học đối chiếu – Contrastive Linguistics	3		X
HỌC KỲ III (14 TC)				
1	Phương pháp thu thập và phân tích số liệu – Methods of Data Collection and Analysis	2	X	
Chọn 4 trong 5 học phần sau:				
1	Nghiên cứu dịch thuật – Translation Studies	3		X
2	Phân tích diễn ngôn – Discourse Analysis	3		X
3	Giao tiếp liên văn hoá – Cross-cultural communication	3		X
4	Truyện ngắn quốc tế - World Short Stories	3		X
5	Tiếp thu ngôn ngữ thứ 2 – Second Language Acquisition	3		X
HỌC KỲ IV (12 TC)				
1	Thực tập tốt nghiệp	6	5	1
2	Đề án tốt nghiệp	6	5	1

2.4.2. Theo định hướng Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh

HỌC KỲ I (19 TC)				
STT	Học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn
1	Triết học	4	X	
2	Ngoại ngữ	4	X	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X	
4	Viết và đọc tiếng Anh học thuật – Academic Writing and Reading	2	X	
5	Ngôn ngữ học đại cương – General Linguistics	3	X	
Chọn 1 trong 4 học phần sau				
1	Phương pháp dạy tiếng Anh – Methodology of English Language Teaching	3		X
2	Văn học Mỹ thế kỷ 20 – American Literature in the 20 th Century	3		X
3	Thiết kế bài kiểm tra ngôn ngữ - Language Testing	3		X
4	Văn học Anh thế kỷ 20 - British Literature	3		X

	in the 20 th Century			
HỌC KỲ II (15 TC)				
1	Ngôn ngữ học ứng dụng – Applied Linguistics	3	X	
2	Lịch sử ngôn ngữ Anh – History of the English Language	2	X	
3	Truyện ngắn Anh- Mỹ - British and American Short Stories	3	X	
Chọn 3 trong 6 học phần sau:				
1	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao – Advanced Methodology of English	2		X
2	Diễn dịch văn học – Interpreting Literature	2		X
3	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học – Semantic and Pragmatics	3		X
4	Kỹ năng thuyết trình – Presentation Skills	3		X
5	Ngữ pháp chức năng – Functional Grammar	2		X
6	Ngôn ngữ học đối chiếu - Contrastive Linguistics	3		X
HỌC KỲ III (14 TC)				
1	Phương pháp thu thập và phân tích số liệu – Methods of Data Collection and Analysis	2	X	
Chọn 4 trong 8 học phần sau				
1	Thiết kế tài liệu giảng dạy – Material Design	3		X
2	Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy – Technology in Language Teaching	2		X
3	Tiếp thu ngôn ngữ 2 – Second Language Acquisition	3		X
4	Phân tích diễn ngôn – Discourse Analysis	3		X
5	Giao tiếp liên văn hoá – Cross-cultural communication	3		X
6	Văn hoá và giảng dạy tiếng Anh- Culture and English Language Teaching	2		X
7	Ngữ pháp chức năng – Functional Grammar	2		X
8	Nghiên cứu dịch thuật – Translation Studies	3		X
HỌC KỲ IV (12 TC)				
1	Thực tập tốt nghiệp	6	5	1
2	Đề án tốt nghiệp	6	5	1

2.5 Mô tả các học phần

1. Triết học (4 TC)

Ở bậc học thạc sĩ, học viên sẽ được học các chương chuyên sâu, những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường

phái triết học nói riêng bằng việc chỉ ra nội dung cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong lịch sử.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu phổ biến, tức là phương pháp biện chứng duy vật. Đó là hệ thống lý luận được hình thành trên cơ sở các nguyên lý, qui luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật. Phương pháp này đòi hỏi tính khách quan của sự xem xét, tính toàn diện, nguyên tắc phát triển, tính thống nhất giữa logic và lịch sử.

2. Ngoại ngữ (Pháp văn) (4 TC)

Môn học rèn luyện cho học viên 4 kỹ năng ngoại ngữ cơ bản như nghe, nói, đọc, viết thông qua việc sử dụng kết hợp các giáo trình tiếng pháp như Le Taxi hay Campus cùng với các tài liệu trực tuyến trên các trang như francaisfacil.com, TV5.org... Môn học gồm 3 chương và 9 bài, kết thúc mỗi chương luôn có phần luyện tập để đạt mục tiêu giao tiếp trong một tình huống nhất định. Tùy theo chủ đề, học viên sẽ được tiếp cận các kiến thức khác nhau về văn hóa Pháp.

3. Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 TC)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và đạo đức nghiên cứu khoa học; các kỹ năng thực hiện nghiên cứu như thiết kế nghiên cứu, thu thập, xử lý và phân tích số liệu v.v... Môn học giới thiệu cho học viên những nguyên tắc về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị những phương pháp để thực hiện đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý.

Sau khi học môn học này, học viên có thể ứng dụng kết hợp với kiến thức môn học chuyên môn để hình thành đề cương nghiên cứu và giải quyết một đề tài nghiên cứu hoặc Đề án tốt nghiệp cao học của mình.

4. Viết và đọc tiếng Anh học thuật (2 TC)

Môn học cung cấp một cách hệ thống các kỹ thuật viết tiếng Anh theo đúng yêu cầu của ngôn ngữ viết đúng chuẩn học thuật ở cấp độ câu (sentence) và đoạn văn (paragraph). Học viên được củng cố kỹ năng viết văn theo phong cách học thuật qua các hình thức diễn giải (paraphrasing), tóm tắt (summarizing) cũng như các vấn đề mang tính cơ học (mechanics) trong cách viết tiếng Anh. Phần đầu của học phần tập trung vào cách viết một bài tự luận tiếng Anh (essay) để phục vụ cho nhu cầu viết bài thu hoạch cuối khoá cho các môn học khác. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về văn phong (cú pháp, ngôn từ, và các vấn đề cơ học). Cách diễn giải đồ thị, bảng biểu, cách trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo và tránh tình trạng đạo văn.

Trong phần thứ hai của môn học, người học sẽ được làm quen với các văn bản khoa học, cụ thể là các bài báo khoa học (article) và được hướng dẫn cách đọc bài báo khoa học thông qua việc phân tích cấu trúc của thể loại văn bản này. Đồng thời tìm hiểu cách diễn giải, trích dẫn để tránh đạo văn. Và sau đó được hướng dẫn cách viết lược khảo tài liệu, viết một bài báo khoa học.

5. Ngôn ngữ học đại cương (3 TC)

Môn học trang bị cho học viên kiến thức cao cấp, chuyên sâu về ngôn ngữ nhìn từ nhiều góc độ khác nhau như m học, Sinh lý học, Tâm lý học, Văn hóa - Xã hội học, Lý thuyết thông tin...theo quan điểm đồng đại và lịch đại. Môn học nghiên cứu những vấn đề tổng

quát như: Bản chất, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, những sự thay đổi của ngôn ngữ và lịch sử của Ngôn ngữ học, lý thuyết âm vị, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng học, ngôn ngữ và não bộ, ngôn ngữ và giao tiếp. Đặc biệt, nhấn mạnh các phổ niệm ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, và những vấn đề hiện nay của ngôn ngữ.

6. Ngôn ngữ học ứng dụng (3 TC)

Môn học trang bị cho học viên kiến thức về nguyên tắc, phương pháp và các lĩnh vực khác nhau của Ngôn ngữ học ứng dụng. Cụ thể là vấn đề thụ đắc ngôn ngữ 1 & 2, vấn đề dạy và học ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và nghề nghiệp, xã hội; ngôn ngữ học ứng dụng và phương pháp luận phân tích, đánh giá, thẩm định các hành vi ngôn ngữ.

7. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu (2 TC)

Học phần này giới thiệu với học viên các phương pháp thu thập, tổ chức và phân tích dữ liệu. Đồng thời hướng dẫn học viên sử dụng phần mềm thống kê SPSS nhằm phục vụ phân tích và quản lý số liệu để phát sinh các báo cáo dạng bảng, các biểu đồ biểu diễn sự phân bố và xu thế phát triển, các thông kê mô tả và các phân tích thống kê phức hợp hỗ trợ việc nghiên cứu và trình bày số liệu thu được.

8. Lịch sử Ngôn ngữ Anh (2 TC)

Người học có khả năng tự chủ trong việc tìm hiểu, phân tích và đánh giá các hiện tượng biến đổi ngôn ngữ trong tiến trình lịch sử của tiếng Anh. Họ có thể chủ động tiếp cận các tài liệu chuyên ngành, sử dụng các nguồn ngữ liệu lịch sử, và phát triển tư duy phản biện đối với các vấn đề ngôn ngữ. Đồng thời, người học thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy, học thuật và giao tiếp liên văn hóa, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và hiểu biết ngôn ngữ một cách sâu sắc, toàn diện.

9. Truyện ngắn Anh-Mỹ (3 TC)

Môn học giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Văn học Anh và Văn học Mỹ, bao gồm 4 truyện ngắn hiện đại của các tác giả kinh điển trong hai nền văn hóa như W.W. Jacobs, Doris Lessing, Emily Dickinson, Alice Walker; qua đó hướng dẫn 1 người học áp dụng lý thuyết về thể loại truyện ngắn để phân tích giá trị của tác phẩm trên bình diện ngôn ngữ và nghệ thuật sáng tác. Ngoài ra, người học nỗ lực triển khai nguồn tư liệu văn hóa ẩn chứa trong các tác phẩm văn học.

10. Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học (3 TC)

Môn học cung cấp kiến thức về nghĩa học và dụng học trong tiếng Anh. Môn học giới thiệu cho người học về đơn vị ngữ nghĩa, bao gồm nghĩa của từ và nghĩa của câu. Từ đó, người học thấy được mối quan hệ nghĩa giữa các từ trong câu cũng như mối quan hệ nghĩa giữa các câu được tạo ra trong điều kiện cụ thể và thông qua các phương tiện. Về mặt ngữ dụng, môn học cung cấp cho người học kiến thức sâu về chỉ xuất, các vấn đề liên quan như hàm ngôn và tiền giả định. Người học cũng được giới thiệu rõ hơn về hành động ngôn từ trong tiếng Anh. Ngoài phần lý thuyết môn học cũng có những bài tập thực hành liên quan đến ngữ nghĩa học và ngữ dụng học tiếng Anh nhằm giúp người học hiểu nắm rõ phần lý thuyết, vận dụng vào thực tế giao tiếp và công việc.

11. Ngữ pháp chức năng (2 TC)

Giới thiệu tổng quan về Ngữ pháp Chức năng với những nguyên tắc và phương pháp đặc thù. Phân tích, miêu tả cấu trúc tiếng Anh dựa theo mô hình Ngữ pháp Chức năng từ Mệnh đề đến các đơn vị ở các bậc thấp và cao hơn mệnh đề như Nhóm từ, câu, Văn bản. Phân tích các mệnh đề Thông điệp, Trao đổi và Biểu hiện nhằm giúp người học lựa chọn chính xác từ và cấu trúc trong giao tiếp. Môn học cũng giới thiệu các yếu tố cần phân tích trong một văn bản nhằm khám phá được nghĩa ở tầng ngôn từ, tầng. hình tượng, tầng hàm nghĩa.

12. Phân tích diễn ngôn (3 TC)

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về tính mạch lạc và liên kết trong văn bản tiếng Anh. Môn học đồng thời cũng phân tích mối liên hệ giữa diễn ngôn với ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng, âm vị trong ngôn ngữ. Bên cạnh đó, môn học phân tích sự nhau trong diễn ngôn nói và diễn ngôn viết. Người học cũng được giới thiệu bài một bài phân tích một diễn ngôn mẫu, từ đó áp dụng kiến thức về phân tích diễn ngôn vào phân tích quảng cáo, truyện cười, vào việc giảng dạy tiếng Anh, ...

13. Ngôn ngữ học đối chiếu (3 TC)

Môn học giới thiệu những nguyên tắc, phương pháp, trình tự và kỹ thuật đối chiếu các ngôn ngữ dựa vào những mô hình nhất định và trên các cấp độ chính như: Âm vị, Hình thái-Cú pháp, Từ vựng-Ngữ nghĩa.

Trên cơ sở phân tích đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, trình bày những đặc điểm đối sánh nổi bật của hai ngôn ngữ và đề xuất những giải pháp trong Giảng dạy tiếng Anh và Dịch Việt-Anh & Anh-Việt.

14. Nghiên cứu dịch thuật (3 TC)

Môn học gồm các nội dung sau: 1) Lịch sử của môn dịch. Hoàn cảnh ra đời của môn lý Thuyết dịch; 2) Bản chất của dịch thuật; 3) Sơ lược các trường phái dịch thuật; 4) Những mối quan hệ về ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng học trong quá trình dịch; 5) Đơn vị dịch; 6) Sự khác biệt giữa phương pháp dịch (translation methods) và phương thức dịch (translation procedures); và 07) phương pháp dịch do Peter Newmark đề xướng.

15. Văn học Mỹ thế kỷ 20 (3 TC)

Học phần giới thiệu tổng quan về văn học Mỹ trong thế kỷ 20. Học viên một số bài thơ, truyện ngắn, kịch của các tác giả tiêu biểu trong văn học Mỹ trong thời kỳ này như Robert Frost, Carl Sandburg, Jack London, Zona Gale, Shirley Jackson, Langston Hughes, Ernest Hemingway, David Henry Hwang. Qua đó người học hiểu được các đặc trưng của ngôn ngữ thơ ca thông qua việc phân tích hai cấp độ nghĩa (nghĩa đen và nghĩa bóng) của bài thơ, nhịp điệu, mối quan hệ giữa cú pháp với chủ đề tư tưởng, hình tượng và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. Học phần nhắc lại việc phân tích các yếu tố cấu thành một tác phẩm văn xuôi như cốt truyện (plot), nhân vật (character), chủ đề tư tưởng (theme), văn phong (style). Ngoài ra, học viên được hướng dẫn tìm hiểu thêm về văn hoá và xã hội Mỹ: lối sống, cách suy nghĩ và cách ứng xử của các nhân vật trong tác phẩm văn xuôi, kịch cũng như tư tưởng ẩn chứa trong các bài thơ và từ đó hiểu biết thêm về hoàn cảnh lịch sử, đất nước và con người của nước Mỹ sinh sống trong thế kỷ 20 cũng như các trào lưu và phong cách văn chương trong thời kì này.

16. Giao tiếp liên văn hóa (2 TC)

Môn học cung cấp một cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication) - đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan - và kinh doanh quốc tế (international business)

17. Văn học Anh thế kỷ 20 (3 TC)

Học phần giới thiệu cho học viên một số bài thơ và truyện ngắn của các tác giả tiêu biểu trong văn học Anh vào thế kỷ 20 như W.B Yeats, W.H. Auden, Saki, Mary Webb, Katherine Mansfield. Qua đó người học hiểu được các đặc trưng của ngôn ngữ thơ ca thông qua việc phân tích hai cấp độ nghĩa (nghĩa đen và nghĩa bóng) của bài thơ, nhịp điệu, mối quan hệ giữa cú pháp với chủ đề tư tưởng, hình tượng và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. Học phần nhấn mạnh vào việc phân tích các yếu tố cấu thành một tác phẩm văn xuôi như cốt truyện (plot), nhân vật (character), chủ đề tư tưởng (theme), Văn phòng (style). Ngoài ra hướng dẫn tìm hiểu thêm về lối sống, cách suy ngẫm" vụ Các ứng xử của các nhân vật trong tác phẩm văn xuôi cũng như tư tưởng ẩn chứa trong các bài thơ và từ đó hiểu biết thêm về hoàn cảnh lịch sử, đất nước và con người của nước Anh sinh sống trong thế kỷ 20.

18. Diễn dịch văn học (2 TC)

Ngôn ngữ, khái niệm về các hệ thống giá trị, các khuynh hướng xã và trào lưu văn hóa của bối cảnh sáng tác luôn là những rào cản trong quá trình đọc hiểu và cảm nhận một tác phẩm văn học. Môn học sẽ cung cấp và giúp học viên thực hiện những trình tự cụ thể trong quá trình đọc và phân tích tác phẩm qua việc xác định các phương pháp đọc (ngữ nghĩa và cấu trúc ngôn ngữ) thích hợp để giúp người học tìm được cách tiếp cận với ý nghĩa và thông điệp ẩn chứa trong tác phẩm (qua việc liên hệ với thân thế của tác giả, văn phòng, hoàn cảnh sáng tác) để hình thành những cảm nhận. Bên cạnh phân lý thuyết, môn học sử dụng một số tác phẩm văn học để làm ngữ liệu phân tích, minh họa.

19. Phong cách học (3 TC)

Học phần giới thiệu với người học một bức tranh tổng thể về lý thuyết và thực hành phong cách học tiếng Anh; giúp người học nghiên cứu và giải thích các tất cả các loại văn bản (cả văn bản nói và văn bản viết) về mặt phong cách ngôn ngữ và âm điệu. Phong cách ở đây là sự đa dạng của ngôn ngữ được sử dụng bởi các cá nhân khác nhau hay trong các tình huống và ngữ cảnh khác nhau; giúp người học lý giải hoặc thiết lập các nguyên lý nhằm giải thích những lựa chọn cụ thể của cá nhân và nhóm xã hội khi họ sử dụng ngôn ngữ như vậy. Bên cạnh đó, phong cách học tiếng Anh cũng đã và đang trở thành một phương pháp được đánh giá cao trong dạy và học ngôn ngữ, vì nó liên hệ chặt chẽ với một nguồn tài nguyên rộng lớn của hệ thống ngôn ngữ từ các tác phẩm kinh điển đến các văn bản phổ thông, từ các mẫu tin quảng cáo, đoạn tin tức, đến văn bản phi hư cấu thuộc văn hóa đại chúng lẫn nghị luận chính trị và tôn giáo. Hơn nữa, phong cách học cũng giúp người học hình thành khả năng vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ trong nhiều lĩnh vực của đời sống hằng ngày.

20. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (3 TC)

Môn học dành cho đối tượng học viên chưa qua đào tạo sư phạm. Môn học gồm 2 phần chính. Phần 1 giới thiệu lí thuyết chung trong giảng dạy ngôn ngữ. Phần này bao gồm các nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong kỹ thuật dạy ngôn ngữ, các công cụ hỗ trợ trong lớp học, kỹ thuật giảng dạy, cách sử dụng giáo trình – tài liệu, cách soạn giáo án giảng dạy. Phần 2 liên quan đến cách ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn giảng dạy 4 kỹ năng ngôn ngữ, gồm nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh và các thành phần ngôn ngữ như: ngữ pháp, từ vựng và phát âm. Trên cơ sở lí thuyết các phương pháp giảng dạy đã được học trong môn Phương pháp dạy tiếng Anh cơ bản, người học sẽ áp dụng lý thuyết vào thực hành trên lớp để dạy từng kỹ năng riêng biệt và tích hợp kỹ năng. Người học sẽ được hướng dẫn cách soạn giáo án dạy các môn kỹ năng này với các bước cụ thể.

21. Thực tập tốt nghiệp (6 TC)

Học phần này chú trọng toàn bộ vào trải nghiệm thực tiễn tại cơ sở thực tập hoặc đơn vị công tác của học viên, tạo điều kiện để học viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã tích lũy trong suốt quá trình đào tạo vào môi trường làm việc thực tế. Thông qua đó, học viên không chỉ nâng cao năng lực nghề nghiệp mà còn chuẩn bị nền tảng vững chắc cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.

22. Đề án tốt nghiệp (6 TC)

Học phần này giúp học viên vận dụng một cách hệ thống các kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã được trang bị trong quá trình học tập vào việc nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề cụ thể, gắn liền với hoạt động của ngành hoặc chuyên ngành được đào tạo. Quá trình thực hiện nghiên cứu yêu cầu học viên phải phân tích, tổng hợp, và đánh giá các khía cạnh lý luận cũng như thực tiễn của vấn đề, từ đó đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị mang tính khoa học và khả thi. Kết quả nghiên cứu được thể hiện dưới hình thức một đề án tốt nghiệp, phản ánh toàn diện năng lực vận dụng kiến thức, phương pháp nghiên cứu, và kỹ năng chuyên môn của học viên trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp.

23. Truyện ngắn quốc tế (2 TC)

Môn học giới thiệu với người học một số tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn viết hoặc dịch sang tiếng Anh của một số tác giả thuộc các quốc gia khác nhau trên thế giới, bao gồm Nhật bản, Nga, Pháp, Châu Mỹ La tinh. Qua đó, người học nhìn ra thế giới với các mẫu nhân vật khác nhau, với những nỗi niềm khác nhau và với những kiến thức cơ bản về lý Đề án học sẽ giúp soi sáng những điểm đặc sắc của mỗi tác phẩm về nghệ thuật sáng tác cũng như nội dung nhân văn.

24. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh – Nâng cao (2 TC)

Môn học dành cho học viên học theo định hướng giảng dạy muốn nâng cao kiến thức về phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, cũng như rèn kỹ năng sư phạm của mình. Môn học này cũng có thể là chọn lựa của các học viên học theo định hướng nghiên cứu, nhưng đã có kiến thức về phương pháp giảng dạy rồi. Môn học giới thiệu vai trò mới của tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế (ngôn ngữ toàn cầu, ngôn ngữ chung). Từ sự ra đời của các khuynh hướng mới trong lĩnh vực dạy tiếng Anh, vai trò của người dạy cần phải được chính bản thân họ nhìn nhận và thay đổi. Môn học cũng đề cập đến sự đa dạng của

người học ở các bình diện: độ tuổi, động cơ học tập, đặc điểm cá tính. Sự đa dạng cũng có ở bản chất lớp học: lớp đông hoặc ít người học, trình độ chênh lệch dù trong cùng một lớp. Sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình dạy tiếng Anh khác nhau. Ngoài ra, điều kiện dạy và học có đổi mới dẫn đến những thay đổi trong tài liệu học tập và việc kết hợp công nghệ vào việc dạy và học tiếng Anh.

25. Thiết kế tài liệu giảng dạy (Material Design) (3 TC)

Môn học giới thiệu các khái niệm cốt lõi của việc thiết kế tài liệu giảng dạy. Học viên được tiếp cận với các chương trình học khác nhau và được hướng dẫn cách khi quát hóa quá trình biên soạn và được chỉ dẫn các phương pháp điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn. Trên cơ sở lý thuyết, người học sẽ được hướng dẫn các thao tác biên soạn và điều chỉnh tài liệu giảng dạy.

26. Thiết kế bài kiểm tra ngôn ngữ (3 TC)

Môn học trang bị kiến thức cốt lõi về các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá dùng trong giảng dạy tiếng Anh. Học viên được hướng dẫn cách biên soạn các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan, các hình thức và kỹ thuật kiểm tra ngữ pháp, từ vựng và 4 kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra, người học cũng có cơ hội tìm hiểu thêm về các loại bài thi tiếng Anh cũng như những nguyên tắc, tiêu chí để đánh giá bài thi ngôn ngữ tiếng Anh.

27. Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy ngoại ngữ (2 TC)

Môn học giới thiệu cho người học các nguyên tắc cơ bản và kinh nghiệm trực tiếp trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại. Dựa trên phương pháp dạy học tốt nhất hiện nay là lấy người học làm trung tâm (students centered), các hoạt động trong khóa học được thiết kế nhằm giúp thỏa mãn nhu cầu tối đa của người học. Các tiện ích của thiết bị công nghệ hiện đại sẽ được giới thiệu cụ thể cùng với các khó khăn tồn tại. Ngoài ra, người học sẽ được hướng dẫn ứng dụng các Phần mềm để thiết kế bài giảng. Người học sẽ áp dụng kiến thức lý thuyết đã được học để thực tập

28. Tiếp thu ngôn ngữ thứ 2 (3 TC)

Học phần này giới thiệu những nguyên lý và nội dung trong chuyên ngành Quá Trình Tiếp Thu Ngôn Ngữ Thứ Hai, bao gồm: con người học / tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai như thế nào, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển này, và đặc điểm tính chất của ngôn ngữ của người học. Đồng thời những nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành này vào việc giảng dạy thực tế cũng sẽ được đề cập đến tạo cơ sở cho người học vận dụng vào giảng dạy và nghiên cứu sau này.

29. Văn hóa và giảng dạy tiếng Anh (3 TC)

Môn học giới thiệu tổng quát các khái niệm, lý thuyết về ngôn ngữ và văn hóa cũng như mối quan hệ gắn kết giữa văn hóa và ngôn ngữ. Nội dung môn học tập trung vào việc đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, giao thoa văn hóa Anh-Việt và các vấn đề chuyên môn liên quan.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế

phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô đun thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Bình Thuận, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trịnh Thanh Toàn



PGS.TS. Võ Khắc Thường

